

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2025/LĐ-PT.

Ngày: 23/5/2025.

Về “Tranh chấp hợp đồng lao động
về tiền lương”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

2. Bà Mai Trần Cảnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Thái – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 93/LĐPT ngày 05/12/2024 về việc kiện “Tranh chấp hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 1032/2024/LĐ-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2356/2025/QĐXXPT-LĐ ngày 05/5/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm: 1989; Vắng mặt.

Địa chỉ: B V, khu phố B, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Tòa nhà H số C - H, Phường I, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 07/11/2023, số công chứng 018405, quyền số 11/2023 TP/CC-SCC/HĐGD, lập tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn K- Công ty L - Đoàn luật sư Thành phố H.

* *Bị đơn:* Công ty Cổ phần P.

Địa chỉ trụ sở: B H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng K1 – Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

Địa chỉ: B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần K3.

Địa chỉ: Số B H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Minh N1 – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: A P, phường P, khu phố B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:* Ông Lưu Hoàng K2, sinh năm 1985

Địa chỉ: F Khu dân cư P, A Bưng Ô, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị Hồng N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N là bà Nguyễn Thị Thu H trình bày như sau:

Bà Lê Thị Hồng N làm việc cho Công ty Cổ phần K3 từ ngày 01/8/2022. Giữa bà N và Công ty Cổ phần K3 có ký kết Hợp đồng lao động số K00203/KTH ngày 01/8/2022, thời hạn hợp đồng không xác định thời hạn, hợp đồng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2020; công việc của bà N là Giám đốc vận hành, địa điểm làm việc tại văn phòng và địa điểm khác tùy theo yêu cầu công việc, mức lương chính là 14.270.000 đồng/tháng và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của công ty, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

Đến tháng 10/2022, bà N được nhận thông báo thay đổi người quản lý trực tiếp từ ông Vũ Minh N1 sang ông Lưu Hoàng K2. Tuy nhiên, công việc của bà N vẫn thực hiện theo hợp đồng đã ký kết với Công ty Cổ phần K3, không ký mới hay sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động.

Sau đó, phía công ty lấy lý do là khó khăn tài chính nên công ty chậm thực hiện thanh toán tiền lương cho bà N. Bên cạnh đó, công ty còn tự ý thông báo với nhân viên về việc chuyển đổi lương thành cổ phiếu ESOP mà chưa được sự đồng ý của người lao động.

Đến ngày 26/12/2022, Công ty Cổ phần P ban hành Quyết định nghỉ việc số 72/2022/KDIS với nội dung cho bà N nghỉ việc từ ngày 26/12/2022. Cho đến khi nhận được sổ bảo hiểm xã hội thì bà N mới biết rằng tháng 10, 11, 12/2022 Công ty Cổ phần P là đơn vị sử dụng lao động và thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà N.

Tại đơn khởi kiện, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần P thanh toán tiền lương còn thiếu cho nguyên đơn trong thời gian từ tháng 10, 11, 12/2022 là 249.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Bị đơn Công ty Cổ phần P có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đăng K1 vắng mặt nên không có lời trình bày, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần K3 có người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Minh N1 vắng mặt nên không có lời trình bày, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Người làm chứng là ông Lưu Hoàng K2 trình bày:

Ông Lưu Hoàng K2 là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần P từ ngày 17/10/2022 đến tháng 4/2024, từ đó đến nay Công ty Cổ phần P có người đại diện theo pháp luật mới là ông Nguyễn Đăng K1. Bà Lê Thị Hồng N là nhân viên của Công ty Cổ phần P.

Công ty Cổ phần P và Công ty Cổ phần K3 có cùng cổ đông, cùng được thành lập vào khoảng cuối năm 2021, đồng thời có cùng trụ sở tại địa chỉ B H, Phường A, quận P. Công ty Cổ phần K3 nhận nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa cho Công ty Cổ phần P nên có một số vị trí nhân viên sẽ làm việc hỗn hợp cho hai bên nếu cần thiết.

Bà N và Công ty Cổ phần K3 có ký kết Hợp đồng lao động số K00203/KTH ngày 01/8/2022 là đúng. Vào khoảng cuối năm 2022, thời điểm này Công ty Cổ phần P đã rơi vào khủng hoảng, khi đó hầu hết các nhà đầu tư nước ngoài đều dừng đầu tư giai đoạn cuối năm 2022, đầu năm 2023 nên không có hiệu suất công việc nữa. Các thành viên quản lý và nhân viên Công ty Cổ phần P đã họp bàn để cập nhật tình hình liên tục vào nửa cuối năm 2022, các nhân viên đã nắm thông tin và tự quyết định tiếp tục đồng hành cùng công ty hoặc tìm công việc mới. Những người ở lại cùng công ty đều đồng ý giảm lương hoặc không nhận lương, đây hoàn toàn là sự cố gắng của mọi người để duy trì công ty vượt qua khó khăn trong thời gian bị ảnh hưởng của dịch Covid-19. Các thành viên chủ chốt của công ty, trong đó bao gồm cả bà N với vai trò là Giám đốc vận hành cũng đã được thông báo sẽ nhận cổ phần thay lương.

Khoảng cuối tháng 9/2022, Công ty Cổ phần P và Công ty Cổ phần K3 sắp xếp lại và bà N đã ký kết Hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P với mức lương 14.270.000 đồng/tháng và Công ty Cổ phần P đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà N đúng với số tiền lương này, thời gian đóng là tháng 10,11,12/2022. Công ty Cổ phần P thỏa thuận trả lương cho bà N là 14.270.000 đồng/tháng, còn tiền thưởng hiệu suất thì ông không nhớ rõ. Theo Quyết định nghỉ việc số 72/2022/KDIS ngày 26/12/2022 của Công ty Cổ phần P mà bà N cung cấp cho Tòa án có nội dung “Căn cứ vào Hợp đồng lao động số K00293/KTH ngày 26/9/2022” nên dù ông K2 không có bản chính hợp đồng này nhưng ông cho rằng đây chính là số hiệu của hợp đồng lao động giữa hai bên.

Trong ba tháng 10, 11, 12/2022, Công ty Cổ phần P quá khó khăn, không có đơn hàng, không có lợi nhuận nên ngay cả tiền lương cũng không có để trả cho nhân viên. Ông K2 với tư cách là người quản lý đã cố gắng hỗ trợ nhân viên bằng tiền cá nhân của mình để nhân viên có thể cùng Công ty Cổ phần P vượt qua khó khăn. Cụ thể ông K2 đã chuyển khoản cho bà N số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 02/11/2022 và 15.000.000 đồng vào ngày 02/12/2022. Thời điểm đó nếu Công ty Cổ phần P có lợi nhuận thì đã chi trả lương cho nhân viên bằng tài khoản của công ty rồi. Ông K2 không có yêu cầu gì đối với số tiền 30.000.000 đồng ông đã chuyển khoản cho bà N.

Vì ông K2 đã có công việc mới nên ông không liên lạc thường xuyên với các thành viên trong Công ty Cổ phần P và Công ty Cổ phần K3. Tuy nhiên, theo hiểu biết của ông, trong tình hình hiện tại Công ty Cổ phần P đang làm thủ tục xin ý kiến nhà đầu tư để giải thể vì công ty không còn hoạt động gì, tình hình tài chính không có khả năng đáp ứng yêu cầu của bà N về số tiền lương và thưởng là 249.000.000 đồng, khả năng cao nhất là công ty có thể trả tiền lương 14.270.000 đồng/tháng chứ không trả tiền thưởng.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 1032/2024/LĐ-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N về yêu cầu Công ty Cổ phần P có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Hồng N tiền lương là 12.771.650 đồng/tháng của các tháng 10, 11, 12 năm 2022, tổng cộng là 38.314.950 đồng (Ba mươi tám triệu, ba trăm mười bốn nghìn chín trăm năm mươi đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N về yêu cầu Công ty Cổ phần P có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Hồng N tiền thưởng hiệu suất là 68.730.000 đồng/tháng của các tháng 10, 11, 12 năm 2022, tổng cộng là 206.190.000 đồng (Hai trăm linh sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 19/9/2024, bà N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán lương, thưởng các tháng 10, 11 và 12/2022 cho bà N với số tiền là 249.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo ngày 19/9/2024 của bà Lê Thị Hồng N là hợp lệ và trong thời hạn luật định nên có căn cứ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của đương sự:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Cổ phần P (gọi tắt là Công ty) trả tiền lương tháng 10, 11, 12/2022 với số tiền 14.270.000 đồng/tháng:

Hợp đồng lao động số K00203/KTH ngày 01/8/2020 ký kết giữa bà N và Công ty, sổ bảo hiểm xã hội của bà N, lời trình bày của nguyên đơn và người làm chứng đã có đủ cơ sở xác định: Công ty Cổ phần K3 là doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam.

Hợp đồng lao động số K00203/KTH ngày 01/8/2020 ký kết giữa bà N và Công ty là hợp đồng lao động không xác định thời hạn, đã được các bên tự nguyện giao kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật lao động nên đây là hợp đồng lao động hợp pháp, có hiệu lực thi hành giữa các bên kể từ ngày 01/8/2020. Công ty là người sử dụng lao động và bà N là người lao động theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019. Công việc của bà N là Giám đốc vận hành, địa điểm làm việc tại văn phòng và địa điểm khác tùy theo yêu cầu công việc, mức lương chính là 14.270.000 đồng/tháng và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của Công ty, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Công ty K3 đã đóng bảo hiểm xã hội tháng 8, 9/2022 cho bà N.

Theo các tài liệu, chứng cứ do bà N giao nộp, không có văn bản chấm dứt hợp đồng lao động giữa bà N và Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thu thập được các tài liệu, chứng cứ có liên quan. Như vậy, có cơ sở xác định bà N là người lao động làm việc tại Công ty, vị trí công việc là Giám đốc vận hành.

[2.2] Xét Quyết định nghỉ việc số: 72/2022/KDIS ngày 26/12/2022, Công ty ban hành với nội dung cho bà N nghỉ việc từ ngày 26/12/2022 và Công văn số: 411/BHXXH ngày 25/3/2024 của Bảo hiểm xã hội quận P:

Công ty đã đóng bảo bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà N từ tháng 10 đến tháng 12/2022, mức lương 14.270.000 đồng/tháng, vị trí công việc là giám đốc vận hành. Số tiền đóng bảo hiểm xã hội gồm: Công ty đóng số tiền 3.068.050 đồng/tháng tương đương 21.5% mức lương và bà N đóng 1.498.350 đồng/tháng tương đương 10,5 % mức lương. Công ty đã trả lại bản chính sổ bảo hiểm xã hội cho bà N.

Theo các tài liệu, chứng cứ do bà N giao nộp, không có hợp đồng lao động bằng văn bản giữa bà N và Công ty nhưng bà N thừa nhận bà vẫn hoàn thành công việc được giao. Tại Quyết định nghỉ việc số: 72/2022/KDIS ngày 26/12/2022 của Công ty có nội dung thể hiện “Căn cứ vào Hợp đồng lao động số K00293/KTH ngày 26/9/2022”. Ngoài ra, theo lời trình bày của người làm chứng là ông Lưu Hoàng K2 (là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần P từ tháng 10/2022 đến tháng 4/2024), Công ty có ký kết hợp đồng lao động số K00293/KTH ngày 26/9/2022 với bà N. Tuy nhiên, vì người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập được các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản giữa bà N và Công ty Cổ phần P. Căn cứ Khoản 5 Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019, có căn cứ xác định giữa bà N và Công ty Cổ phần P có quan hệ lao động, Công ty là người sử dụng lao động và bà N là người lao động theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019, vị trí công việc là “Operation head”, mức lương đóng bảo hiểm xã hội là 14.270.000 đồng/tháng.

[2.3] Theo Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định người lao động có thể giao kết nhiều hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động nhưng phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các nội dung đã giao kết. Mặc dù không đủ cơ sở xác định thỏa thuận lao động giữa bà N và Công ty có đảm bảo về hình thức hợp đồng lao động quy định tại Điều 14 Bộ luật Lao động năm 2019 không, nhưng việc Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà N là phù hợp với quy định tại Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Do đó, Công ty chưa thanh toán tiền lương các tháng 10, 11, 12/2022 là vi phạm nghĩa vụ trả lương cho người lao động theo quy định tại Điều 90, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 97 Bộ luật Lao động năm 2015.

[2.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc Công ty trả tiền lương tháng 10, 11, 12/2022 là có căn cứ. Tuy nhiên, Công ty đã tham gia bảo hiểm xã hội cho bà N với số tiền cụ thể là đóng 3.068.050 đồng/tháng tương đương 21.5% mức lương và bà N đóng 1.498.350 đồng/tháng tương đương 10,5% mức lương, tổng cộng là 4.566.400 đồng/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội

năm 2014. Số tiền lương còn lại mà Công ty phải trả cho bà N là 12.771.650 đồng/tháng, tổng cộng 3 tháng là 38.314.950 đồng.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu buộc Công ty trả tiền lương tháng 10, 11, 12/2022 cho bà N sau khi trừ đi số tiền bảo hiểm xã hội công ty đã đóng thay cho bà N là 1.498.350 đồng, cụ thể số tiền 12.771.650 đồng/tháng, tổng cộng là 38.314.950 đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6, Điều 90 Bộ luật Lao động năm 2019 là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Cổ phần P trả tiền thưởng tháng 10, 11, 12/2022 với số tiền 68.730.000 đồng/tháng:

[3.1] Xét Hợp đồng lao động số: K00203/KTH ngày 01/8/2020 ký kết giữa bà N và Công ty, hai bên đã thỏa thuận về tiền thưởng hiệu suất là 68.730.000 đồng/tháng, đây là thỏa thuận giữa bà N và Công ty.

Bà N khẳng định bà không ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thu thập được các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc ký kết hợp đồng lao động của hai bên, lời khai của người làm chứng ông Lưu Hoàng K2 thể hiện có tồn tại hợp đồng lao động giữa bà N và Công ty, nhưng không cung cấp được hợp đồng lao động bằng văn bản. Do đó, không có cơ sở xác định giữa bà N và Công ty có thỏa thuận về thưởng hiệu suất là 68.730.000 đồng/tháng.

Do nguyên đơn bà N không có yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần K3 mà chỉ yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần P trả tiền thưởng 68.730.000 đồng/tháng là tiền thưởng hiệu suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng lao động số: K00203/KTH ngày 01/8/2022 ký kết giữa bà N và Công ty Cổ phần K3. Do Công ty Cổ phần P và Công ty Cổ phần K3 là hai pháp nhân độc lập, được thành lập và hoạt động theo Điều 111 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Việc bà N có thỏa thuận về tiền thưởng hiệu suất và chưa chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần K3 không ảnh hưởng đến việc bà N làm việc cho Công ty Cổ phần P theo quy định tại Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2019.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần P trả tiền thưởng 68.730.000 đồng/tháng đối với tháng 10, 11, 12/2022 cho bà N là không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng pháp luật.

[4] Đối với lời trình bày của người làm chứng: Ông Lưu Hoàng K2 trình bày ông đã chuyển khoản cho bà Lê Thị Hồng N 15.000.000 đồng vào ngày 02/11/2022 và 15.000.000 đồng vào ngày 02/12/2022, ông có nộp sao kê tài khoản cho Tòa án. Ông K2 xác định đây là tiền hỗ trợ bà N trong thời gian Công ty Cổ phần P gặp khó khăn tài chính với tư cách cá nhân, ông không có yêu cầu gì. Do ông K2 không có yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét trong vụ án này là có căn cứ.

Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ một cách toàn diện nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà N và giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng N không phải chịu án phí sơ thẩm.

Bị đơn Công ty Cổ phần P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định với số tiền là 1.149.449 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Hồng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N về yêu cầu Công ty Cổ phần P có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Hồng N tiền lương là 12.771.650 đồng/tháng của các tháng 10, 11, 12 năm 2022, tổng cộng là 38.314.950 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm mười bốn nghìn chín trăm năm mươi đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N về yêu cầu Công ty Cổ phần P có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Hồng N tiền thưởng hiệu suất là 68.730.000 đồng/tháng của các tháng 10, 11, 12 năm 2022, tổng cộng là 206.190.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Công ty Cổ phần P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.149.449 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Phú Nhuận;
- CCTHADS quận Phú Nhuận;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Nhân